

Số: 997/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 25 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 702/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 64, đường LĐT, phường T, quận T, Thành phố H;

Bi đơn: Ông Phạm Hoàng L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 64, đường LĐT, phường T, quận T, Thành phố H;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị N và ông Phạm Hoàng L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị N và ông Phạm Hoàng L cùng thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 320 quyển số 02/2007 ngày 07/11/2007 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H cấp cho bà N và ông L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp lực.

Về con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trần Mỹ D sinh ngày 31/05/2014. Khi ly hôn, giao trẻ D cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà N do ông L không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Bà Nhung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng do bà Trần Thị N chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0070899 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Hoàn lại cho bà N số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai trên.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND phường T, quận T, TP. H;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Mỹ